

Bản án số: 101/2023/HS-ST
Ngày 08-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Na

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Lý

Bà Đoàn Kim Cúc

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Đàm Đình Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 425/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Vi La D;** giới tính: Nam; tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 17/10/1983, tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ D, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn M, (đã chết) và bà: La Thị T (đã chết); có Vợ: Triệu Thị T1, sinh năm 1988 và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. (Có mặt).

2. **Nguyễn Mạnh C;** giới tính: Nam; tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 18/6/1983, tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Nơi thường trú: Xóm N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nơi ở hiện tại: Xóm N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1952 và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; có Vợ: Bằng Thị Trang N, sinh năm 1988 và 02 con (cả 2 con đã chết); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2023 đến ngày 12/4/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Triệu Thị T1, sinh năm 1988; trú tại: Tổ D, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

2. Bằng Thị Trang N, sinh năm 1988; trú tại: Xóm N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 04 giờ 10 phút ngày 08/3/2023 Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh C làm nhiệm vụ tại phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng phát hiện 02 xe ô tô đang di chuyển về hướng thành phố C có dấu hiệu nghi vấn về hành vi nhập cảnh trái phép, tổ công tác ra hiệu lệnh dừng xe để kiểm tra xác định: Nguyễn Mạnh C (sinh năm 1983, trú tại xóm N, xã H, thành C, tỉnh Cao Bằng) điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 11A-046.05 đi trước; Vi La D (sinh năm 1983 trú tại tổ D, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 11A-071.25 đi sau chở 03 người Trung Quốc không có giấy tờ nhập cảnh. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Mạnh C, Vi La D và đưa người cùng phương tiện về trụ sở làm rõ (03 người nhập cảnh gồm Lục T3 cầm sinh năm 1993; Hoàng Ân C1, sinh năm 1989; Liêu Dục L, sinh năm 1993 cùng trú tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc).

Quá trình điều tra xác định được: Khoảng 19 giờ ngày 07/3/2023 Vi La D được một người đàn ông tên là T4 đang sinh sống tại Trung Quốc (không rõ họ và địa chỉ) liên lạc qua mạng xã hội Wechat thuê D đến huyện T, tỉnh Cao Bằng chở 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đưa đến tỉnh Bắc Ninh với tiền công 10.000.000 đồng, T4 yêu cầu D tìm thêm 01 xe ô tô đi trước để cảnh giới; sau đó D rủ Nguyễn Mạnh C cùng đi và thống nhất chia đều tiền công, C đồng ý. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 08/3/2023 D, C mỗi người điều khiển 01 xe ô tô đến huyện T đón người; trên đường đi Duẩn được một người đàn ông sử dụng số thuê bao 0829.700.393 liên lạc thông báo đón người tại ngã tư chợ Q, xã T, huyện T. Khoảng 03 giờ cùng ngày, khi D cùng C đến ngã tư chợ Q thì có 01 người đàn ông điều khiển xe mô tô màu trắng (không rõ biển kiểm soát) đi trước dẫn đường cho xe Duẩn đi tiếp, còn C dừng lại chờ; đi được khoảng 01 km thì người điều khiển xe mô tô dừng lại dẫn 03 người Trung Quốc từ trên đồi đi xuống đưa lên xe của D, khi 03 người Trung Quốc lên xe người đàn ông trên đưa cho D 3.000.000 đồng, nhận được người và tiền D điều khiển xe quay lại chỗ C đợi, sau đó C điều khiển xe đi trước để cảnh giới lực lượng chức năng, D điều khiển xe chở 03 người đến tỉnh Bắc Ninh giao người và nhận nốt số tiền công. Đến khoảng 04 giờ ngày 08/3/2023 khi C cùng D chở 03 người Trung Quốc di chuyển đến thị trấn Q, huyện Q thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Tại bản Cáo trạng số: 59/CT-VKSCB-P1 ngày 14/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Vi La D và Nguyễn Mạnh C về tội: “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, thừa nhận bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” là đúng với hành vi đã thực hiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Triệu Thị T1 (vợ của bị cáo Vi La D): Trình bày về nguồn gốc chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 11A-071.25 đứng tên trên giấy tờ đăng ký xe Vi La Duẩn, đây là tài sản chung vợ chồng, đều do hai vợ chồng vay mượn để mua xe. Việc bị cáo D sử dụng xe để đưa đón người nhập cảnh trái phép, bà T1 không biết. Do đó, bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bằng Thị Trang N (vợ của bị cáo Nguyễn Mạnh C): Trình bày về nguồn gốc chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 11A-046.05 đứng tên trên giấy tờ đăng ký xe Nguyễn Mạnh C, đây là tài sản chung vợ chồng, đều do hai vợ chồng vay mượn để mua xe. Việc bị cáo C sử dụng xe để đưa đón người nhập cảnh trái phép, bà N không biết. Do đó, bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật

Kết thúc việc hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Vi La D, Nguyễn Mạnh C về tội: “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vi La D, Nguyễn Mạnh C phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Vi La D từ 30 tháng đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng đến 60 tháng. Áp dụng khoản 4 Điều 328 trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Mạnh C từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng đến 54 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước:

+ Số tiền thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng đối với bị cáo Vi La D.

+ Đối với bị cáo Vi La D: Tịch thu, hóa giá lấy tiền sung quỹ nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Q-Mobile, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung A13; ½ giá trị xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Grand I10 biển kiểm soát 11A-071.25.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh C: Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6; ½ giá trị xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Grand I10 biển kiểm soát 11A-046.05

- Trả lại tài sản, đồ vật:

+ Đối với bị cáo Vi La D: 01 giấy phép lái xe mang tên Vi La D, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Biển kiểm soát: 11A-071.25; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật xe ô tô Biển kiểm soát 11A-071.25.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh C: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung A04S, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Mạnh C, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Biển kiểm soát: 11A-046.05; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật xe ô tô Biển kiểm soát 11A-046.05.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa và tranh luận với Kiểm sát viên.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án về động cơ, mục đích, thời gian, địa điểm cũng như cách thức đưa người nhập cảnh trái phép vào lãnh thổ Việt Nam. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 07/3/2023 Vi La D được một người đàn ông tên là T4 đang sinh sống tại Trung Quốc (không rõ họ và địa chỉ) liên lạc qua mạng xã hội Wechat thuê D đến

huyện T, tỉnh Cao Bằng chở 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đưa đến tỉnh Bắc Ninh với tiền công 10.000.000 đồng. Khoảng 03 giờ ngày 08/3/2023, Vi La D cùng Nguyễn Mạnh C mỗi người điều khiển 01 xe ô tô đến xã T, huyện T chở 03 người Trung Quốc đến tỉnh Bắc Ninh và được người thuê trả trước 3.000.000 đồng; đến khoảng 04 giờ cùng ngày khi hai bị cáo chở 03 người Trung Quốc di chuyển đến thị trấn Q, huyện Q thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi đón, đưa người quốc tịch nước ngoài vào lãnh thổ nước C2 mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, khi được thuê đón những người đàn ông Trung Quốc, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình nhưng vì mong muốn được hưởng lợi nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và phải chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình gây ra. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục các bị cáo nói riêng và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm, phòng ngừa chung cho xã hội.

Đánh giá vai trò đồng phạm: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo Vi La D giữ vai trò cao hơn, là người trực tiếp liên lạc, trao đổi, thỏa thuận về việc đón người nhập cảnh trái phép, vì vậy khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét căn cứ vào vai trò tham gia vụ án của các bị cáo.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đối với bị cáo Vi La D có bố đẻ là ông Vi Văn M được tặng Huy chương kháng chiến và Huân chương chiến sỹ giải phóng, bị cáo đã tác động gia đình nộp khoản tiền thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng. Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh C qua xem xét đơn xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo C có hoàn cảnh gia đình khó

khăn (hai con nhỏ bị chết, hiện còn bố mẹ cao tuổi, sức khỏe yếu). Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính:

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội; vai trò, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy Trong vụ án này, các bị cáo đều là lái xe, vì mong muốn hưởng lợi, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ, trong đó có một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Căn cứ vào các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán nhân dân tối cao ngày 15/5/2018 Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP. Hội đồng xét xử nhận định: Không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo hưởng án treo theo như mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng là phù hợp, như vậy cũng đủ sức răn đe để các bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích; việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Điều đó cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[6] Việc xử lý vật chứng:

* Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: Số tiền thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng đối với bị cáo Vi La D.

* Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách nhà nước:

- Đối với bị cáo Vi La D:

+ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Q-Mobile, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung A13;

+ ½ giá trị xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Grand I10 biển kiểm soát 11A-071.25 (kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Biển kiểm soát: 11A-071.25; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật xe ô tô Biển kiểm soát 11A-071.25)

- Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh C:

+ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6;
+ ½ giá trị xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10 biển kiểm soát 11A-046.05 (kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Biển kiểm soát: 11A-046.05; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật xe ô tô Biển kiểm soát 11A-046.05).

* Trả lại tài sản, đồ vật cho các bị cáo :

- Trả lại cho bị cáo Vi La D: 01 giấy phép lái xe mang tên Vi La D.
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh C: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung A04S, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Mạnh C.
- Trả lại cho bà Triệu Thị T1 ½ giá trị xe ô tô biển kiểm soát 11A-071.25.
- Trả lại cho bà Bằng Thị Trang N ½ giá trị xe ô tô biển kiểm soát 11A-046.05.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với người thuê và người giao 03 công dân nhập cảnh trái phép cho Vi La D, quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch cụ thể, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra mở rộng vụ án.

Đối với các công dân nhập cảnh trái phép, ngày 12/3/2023 Phòng Q1 Công an tỉnh C đã ra quyết định xử phạt hành chính với hình thức phạt tiền và trục xuất về nước.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Về tội danh: Các bị cáo Vi La D và Nguyễn Mạnh C phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

- Về điều luật và hình phạt chính:

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vi La D, xử phạt 30 (ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên bố trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Mạnh C, xử phạt 24 (hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Việc xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

* Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính 3.000.000 đồng đối với bị cáo Vi La D (Xác nhận số tiền trên đã được gia đình bị cáo Vi La D giao nộp lại, số tiền này đã được chuyển khoản vào tài khoản tạm giữ của Cục Thi hành án dân sự mở tại Kho bạc Nhà nước Chi nhánh tỉnh C theo giấy nộp tiền ngày 27/6/2023).

* Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách nhà nước:

- Đối với bị cáo Vi La D:

+ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Q-Mobile; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung A13; (xác nhận 02 điện thoại được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “02 (hai) điện thoại bị tạm giữ của Vi L, gồm 01 điện thoại Q-Mobile, 01 điện thoại SamSung A13”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C).

+ ½ giá trị xe ô tô biển kiểm soát 11A-071.25, loại xe: ô tô con, nhãn hiệu HUYNDAI, số loại: GRAND I10, màu sơn: bạc, dung tích xi lanh: 1248; số máy: G4LAGM257421, số khung MALA741CAHM225569, số chỗ ngồi: 5; năm sản xuất 2016, xe cũ đã qua sử dụng. Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 28-3-2023 của phòng CSGT Công an tỉnh C. (kèm theo xe là 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Biển kiểm soát: 11A-071.25; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật xe ô tô Biển kiểm soát 11A-071.25).

- Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh C:

+ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6; (xác nhận điện thoại trên được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “02 (hai) điện thoại bị tạm giữ của Nguyễn Mạnh C, gồm 01 điện thoại Iphone 6, 01 điện thoại SamSung A04S”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C).

+ ½ giá trị xe ô tô biển kiểm soát 11A-046.05, loại xe: ô tô con, nhãn hiệu HUYNDAI, số loại: GRAND I10, màu sơn: trắng, dung tích xi lanh: 1248; số máy: G4LAFM830965, số khung MALA741CAGM144365, số chỗ ngồi: 5, năm sản xuất 2015, xe cũ đã qua sử dụng. Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe

trùng khớp với phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 28-3-2023 của phòng CSGT Công an tỉnh C. (kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Biển kiểm soát: 11A-046.05; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật xe ô tô Biển kiểm soát 11A-046.05).

- Trả lại tài sản, đồ vật cho các bị cáo:

+ Trả lại cho bị cáo Vi La D: 01 giấy phép lái xe mang tên Vi La D.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh C: 01 chiếc điện thoại nhả hiệu SamSung A04S, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Mạnh C.

- Trả lại cho bà Triệu Thị T1, sinh năm 1988; trú tại: Tổ D, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng ½ giá trị xe ô tô biển kiểm soát 11A-071.25.

- Trả lại cho bà Bằng Thị Trang N, sinh năm 1988; trú tại: Xóm N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng ½ giá trị xe ô tô biển kiểm soát 11A-046.05.

Xác nhận các vật chứng trên đang được tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 132 ngày 27/6/2023.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Vi La D, Nguyễn Mạnh C mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo đối với phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình được ghi trong bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh CB;
- CQĐT công an tỉnh CB (PA09);
- Cục THADS tỉnh CB;
- P. Hồ sơ Công an tỉnh CB (PV06);
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp CB;
- PC 10-CA tỉnh;
- TTG Công an tỉnh CB;
- Những NTGTT;
- Lưu HS vụ án, HCTP;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Na